



AGIFISH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT **2009**







AGIFISH

NỘI DUNG

Thông điệp từ Chủ tịch hội đồng quản trị	2
Báo cáo thường niên 2009	4
Bản báo cáo kiểm toán	24
Bản thuyết minh báo cáo tài chính Năm 2009.....	33
Công văn báo cáo kiểm toán	56



THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị cổ đông !

Năm 2009, lần đầu tiên sau 13 năm, xuất khẩu thủy sản đạt tăng trưởng âm. Ngành thủy sản Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn do trong nước nguồn cung nguyên liệu giảm (tôm), các rào cản thương mại, kỹ thuật từ các nước nhập khẩu, suy giảm kinh tế thế giới làm giảm tiêu thụ tại các thị trường về lượng lẫn về giá cả. Báo chí ở một số nước như Italia, Spain, Norway, khu vực Trung Đông và New Zealand thay nhau đưa tin không trung thực về sản phẩm cá tra, basa Việt Nam gây ảnh hưởng đến tâm lý của người tiêu dùng cũng đã làm giảm nhu cầu tiêu thụ sản phẩm này. Riêng đối với Agifish, do cơ cấu xuất khẩu của Agifish năm 2008, thị trường Nga chiếm 60% nên khi mất thị trường Nga, 6 tháng đầu năm 2009 Công ty gặp rất nhiều khó khăn, sản lượng xuất khẩu chỉ đạt 8.540 tấn, kim ngạch 20,7 triệu USD. Lượng hàng tồn kho do không xuất hàng đi Nga đã tạo áp lực rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung. Trong 6 tháng cuối năm 2009, nhờ tăng cường công tác thị trường, chuyển hướng kịp thời sang các thị trường khác. Nhờ đó mà Công ty đã giải quyết được phần nào lượng hàng tồn kho. Mặc dù năm 2009, Agifish được xếp hạng thứ 5 trong số 10 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra hàng đầu của Việt Nam nhưng hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp so với một số doanh nghiệp cùng ngành, biến động lực lượng lao động lớn, chi phí và giá thành sản xuất cao, hoạt động của bộ máy quản lý kém năng động...Đó chính là những vấn đề bức xúc buộc Ban lãnh đạo điều hành Công ty đánh giá một cách nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao và đề ra kế hoạch khắc phục ngay trong năm 2010.

Agifish bước vào năm 2010 với quyết tâm đổi mới toàn diện, cấu trúc lại doanh nghiệp, từ tổ chức bộ máy quản lý đến điều hành sản xuất và kinh doanh xuất khẩu. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành mới ngay trong những ngày đầu tháng 01/2010, nhằm thực hiện chủ trương Chủ tịch HĐQT thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc để tập trung chiến lược phát triển của Công ty trong những năm sắp tới chính là khởi đầu cho sự đổi mới. Lực lượng lao động gián tiếp và trực tiếp sản xuất sẽ sắp xếp lại theo hướng tinh gọn bộ máy để hợp lý hóa sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Thị trường tiêu thụ sẽ tăng trưởng trở lại do nền kinh tế tại các nước nhập khẩu đang hồi phục nên kế hoạch sản xuất kinh doanh 2010 có xu hướng tăng so với năm trước. Việc tổ chức quản lý quy trình sản xuất sẽ được chú trọng hơn nữa, quyết tâm kiểm soát chặt chẽ giá thành sản phẩm để nâng cao hiệu quả. Gắn kết sản xuất với thị trường tiêu thụ để hạn chế hàng tồn kho, cơ cấu thị trường xuất khẩu sẽ cố gắng thực hiện như năm 2009. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng sang các thị trường truyền thống của Công ty. Riêng tại thị trường Mỹ, nhanh chóng triển khai dự án "Đầu tư và phát triển hệ thống phân phối tại Mỹ" trong quý 1/2010.

Đối với thị trường trong nước, tiếp tục giữ vững danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao" của các sản phẩm giá trị gia tăng chế biến từ cá tra, basa Agifish, đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, đẩy mạnh khâu phân phối, tiêu thụ qua mạng lưới đại lý, các hệ thống siêu thị.



Trong tình hình vốn tín dụng bị hạn chế, áp dụng các giải pháp tài chính để sử dụng đồng vốn sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Hội đồng quản trị sẽ đánh giá hiệu quả các danh mục đầu tư để quyết định duy trì hoặc thu hồi các khoản đầu tư tài chính để tập trung vốn cho sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho cán bộ quản lý, công nhân lao động bằng chính thành quả lao động của mình làm ra và hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Đứng vững trong cơn khủng hoảng kinh tế tài chính, những khó khăn nhất của Công ty Agifish đã qua đi, sản xuất kinh doanh đang tăng trưởng trở lại, với quyết tâm đổi mới toàn diện trong bầu không khí lạc quan tin tưởng vào sự đổi mới trong năm 2010 Agifish chắc chắn sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra, và tiếp tục con đường phát triển bền vững.

Thay mặt Hội đồng quản trị, kính chúc toàn thể cổ đông, cán bộ quản lý, công nhân lao động cùng gia đình nhiều sức khỏe và hạnh phúc.

Trân trọng kính chào !

CTY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN AN GIANG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGÔ PHƯỚC HẬU



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009





AGIFISH

Tên tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang

Tên giao dịch: Angiang Fisheries Import Export Joint Stock Company

Tên viết tắt: AGIFISH Co.

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.763) 852 939 – 852 368

Fax: (84.763) 852 202

Email: agifish.co@agifish.com.vn

Website : www.agifish.com.vn

Mã chứng khoán: AGF

Vốn điều lệ: 128.592.880.000 đồng (Một trăm hai mươi tám tỷ năm trăm chín mươi hai triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng).

I. TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN:

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGIFISH Co) được thành lập theo Quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001.

Ngày 01/09/2001, Công ty Agifish chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được cấp phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 8/3/2002.

Năm 2000, Công ty Agifish được Nhà nước tặng danh hiệu " Anh Hùng Lao Động" và đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành thủy sản

Công ty Agifish là thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)

Agifish áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất : HACCP, ISO 9001:2000 , Safe Quality Food 1000 (SQF 1000), Safe Quality Food (SQF 2000) , Global Standard For Food Safety (BRC) , ISO 17025 : 2005, ISO 14001 : 2004

Agifish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 4 code : DL07, DL08, DL09, DL360.

Được cấp chứng chỉ HALAL để xuất khẩu sang cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.

Trên thị trường trong nước sản phẩm Basa Agifish là " Hàng Việt Nam chất lượng cao " liên tục từ năm 2003 đến 2009.

Agifish là doanh nghiệp duy nhất trong ngành thủy sản được tặng danh hiệu " Thương hiệu Việt Nam " (Vietnam Value).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1600583588 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 08 năm 2001.

Đăng ký lại lần thứ I, ngày 27 tháng 05 năm 2009.

Đăng ký thay đổi lần thứ 17, ngày 12 tháng 01 năm 2010.

Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu số: 4.01.1.001/GP do Bộ Thương Mại cấp ngày 29/05/1995.

Mã số thuế: 16.00583588 -1

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh được cấp phép bao gồm:

STT	Tên Ngành	Mã Ngành
1	Sản xuất , chế biến và mua bán thủy hải sản đông lạnh, thực phẩm	(151)
2	Mua vật tư nguyên liệu , hóa chất phục vụ cho sản xuất (không mang tính độc hại)	(516)
3	Mua bán đồ uống các loại	(5125)
4	Sản xuất và mua bán thuốc thú y, thủy sản	(24232-242320)
5	Sản xuất kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	(1533)
6	Lắp đặt hệ thống cơ điện, thông gió, điều hòa cấp nhiệt	(45319-453190)
7	Lắp đặt hệ thống làm lạnh, kho lạnh, điều hòa trung tâm	(4534-453400)
8	Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí	(4532)
9	Chế tạo thiết bị cho ngành chế biến thực phẩm, thủy sản	(2925)
10	Nuôi thủy sản	(05)
11	Lắp đặt điện trong nhà	(4531)
12	Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước	(45321-453210)
13	San lấp mặt bằng	(4511)
14	Xây dựng công trình dân dụng	(4521)
15	Xây dựng công trình công nghiệp	(45211-452110)
16	Mua bán vật tư thiết bị cấp nước trong nhà	(5143)
17	Mua bán vật tư thiết bị, dụng cụ hệ thống điện	(51431-5143110)
18	Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê	(711)
19	Dịch vụ nhà đất	(7121-712100)
20	Sản xuất, chế biến và mua bán dầu Biodiesel từ mỡ cá	/
21	Đầu tư xây dựng để bán hoặc cho thuê	/

Định hướng chiến lược và yêu cầu phát triển Công Ty trong năm năm tới là :

- Xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa
- Đầu tư mở rộng sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm ,
- Mở rộng liên doanh liên kết.
- Xây dựng và quảng bá thương hiệu để hội nhập kinh tế toàn cầu.

Fish Tofu



1. NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

Tóm tắt số liệu tài chính 2009

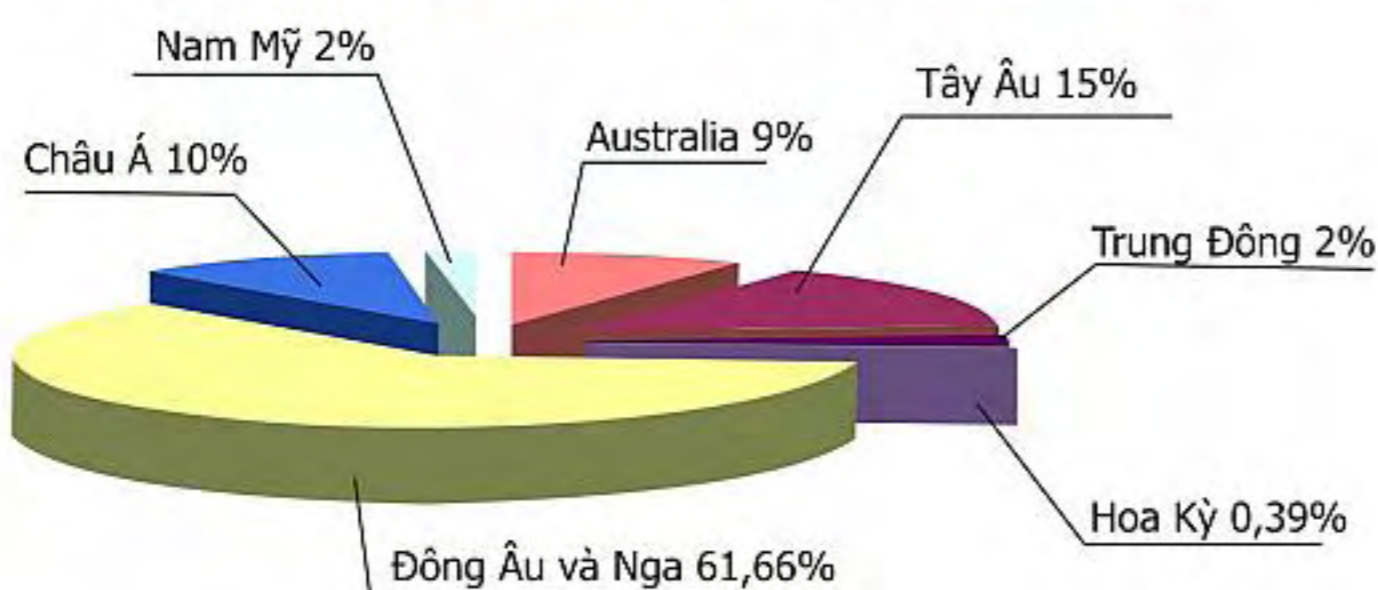
ĐVT: VN đồng

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện		So sánh 2008	So sánh Kế hoạch
	2008	2009		
Tài sản ngắn hạn	614.015.506.183	663.860.980.247	108%	
Tài sản dài hạn	550.244.937.967	546.082.578.339	99%	
Tổng doanh thu	1.987.763.283.824	1.346.189.685.101	68%	90%
Lợi nhuận trước thuế	18.280.471.872	18.015.189.266	99%	35%
Lợi nhuận sau thuế	16.913.431.531	14.444.535.700	85%	
Lãi cơ bản/CP	1.315	1.117		

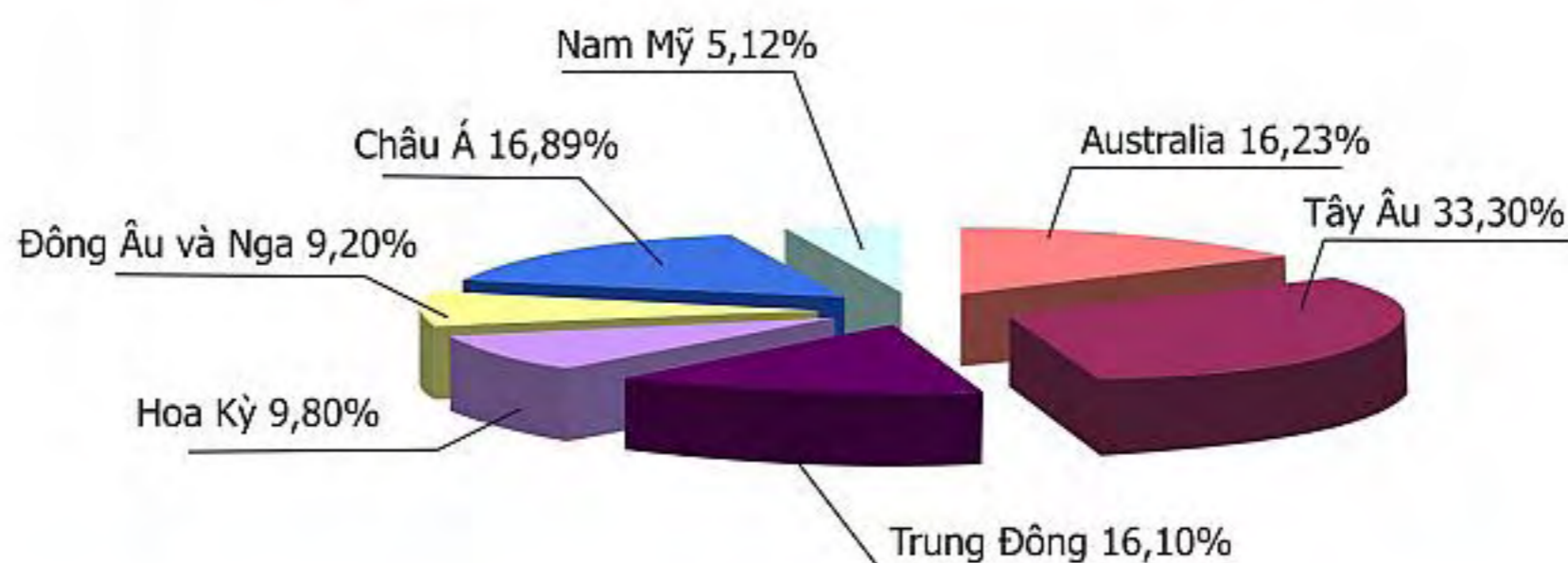
2. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM:

Cơ cấu thị trường xuất khẩu có nhiều thay đổi so với năm 2008 và phân bố khá đồng đều : Australia 16,23%, Tây Âu 33,30%, Trung Đông 16,10%, Hoa kỳ 9,80%. Đông Âu và Nga 9,20%, Châu Á 16,89%, Nam Mỹ 5,12%.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu năm 2008 (theo giá trị)



Cơ cấu thị trường xuất khẩu năm 2009 (theo giá trị)



3. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI:

- Chính phủ đã khẳng định cá tra là sản phẩm chiến lược của Việt Nam có năng lực cạnh tranh cao và có thể phát triển hơn nữa trên thị trường thủy sản toàn cầu. Năm 2009, cá tra, basa là sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu lớn thứ 2 của thủy sản Việt Nam với khối lượng trên 500.000 tấn, giá trị 1,3 tỷ USD.
- Đến nay đã có hơn 150 doanh nghiệp tham gia sản xuất, chế biến xuất khẩu sản phẩm cá tra sang 100 quốc gia và vùng lãnh thổ. Nhiều doanh nghiệp đầu tư lớn các nhà máy chế biến hiện đại và vùng nguyên liệu tập trung, áp dụng thành công các tiêu chuẩn quản lý chất lượng cho nuôi trồng lẫn chế biến theo yêu cầu của khách hàng để vượt qua những rào cản kỹ thuật về an toàn vệ sinh thực phẩm, được nhiều thị trường thế giới chấp nhận.

4. CÁC KHÓ KHĂN VÀ RỦI RO CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:

- Số lượng các nhà máy chế biến cá tra, basa xây dựng mới tiếp tục tăng, nhiều doanh nghiệp tham gia sản xuất, chế biến xuất khẩu sản phẩm này làm tăng áp lực cạnh tranh về nguồn nguyên liệu, lao động, giá cả, thị trường, hiệu quả kinh doanh.
- Các rào cản thương mại, kỹ thuật của các nước nhập khẩu : cụ thể là quy định dư lượng kháng sinh, hoá chất cấm, các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, thuế chống bán phá giá .

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	54,87	52,74
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	45,13	47,26
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	48,19	46,62
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	51,81	53,38
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,03	0,03
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,08	2,15
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,19	1,45
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,99	0,84
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	2,29	2,72

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:	
Tạm ứng 10% cổ tức bằng tiền (VNĐ)	12.859.288.000
Trả tiền cổ tức bằng cổ phiếu (VNĐ)	
Cộng	12.859.288.000

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,859,394
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	
Cổ phiếu phổ thông	12,859,288
Cổ phiếu ưu đãi	–
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	
Cổ phiếu phổ thông	12,859,288
Cổ phiếu ưu đãi	–

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá chung hoạt động của Công ty năm 2009 không đạt được kế hoạch đề ra do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Suy giảm kinh tế thế giới tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tiêu thụ tại các thị trường đều giảm về lượng lẫn về giá. Do cơ cấu xuất khẩu của Agifish năm 2008, thị trường Nga chiếm 60% nên khi mất thị trường Nga, 6 tháng đầu năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Trong 6 tháng cuối năm 2009, nhờ tăng cường công tác thị trường, chuyển hướng kịp thời sang các thị trường khác Công ty đã giải quyết được phần nào lượng hàng tồn kho. Trong tình hình xuất khẩu thủy sản suy giảm, Agifish vẫn đứng hàng thứ 10 trong 200 doanh nghiệp xuất khẩu đạt kim ngạch cao năm 2009.

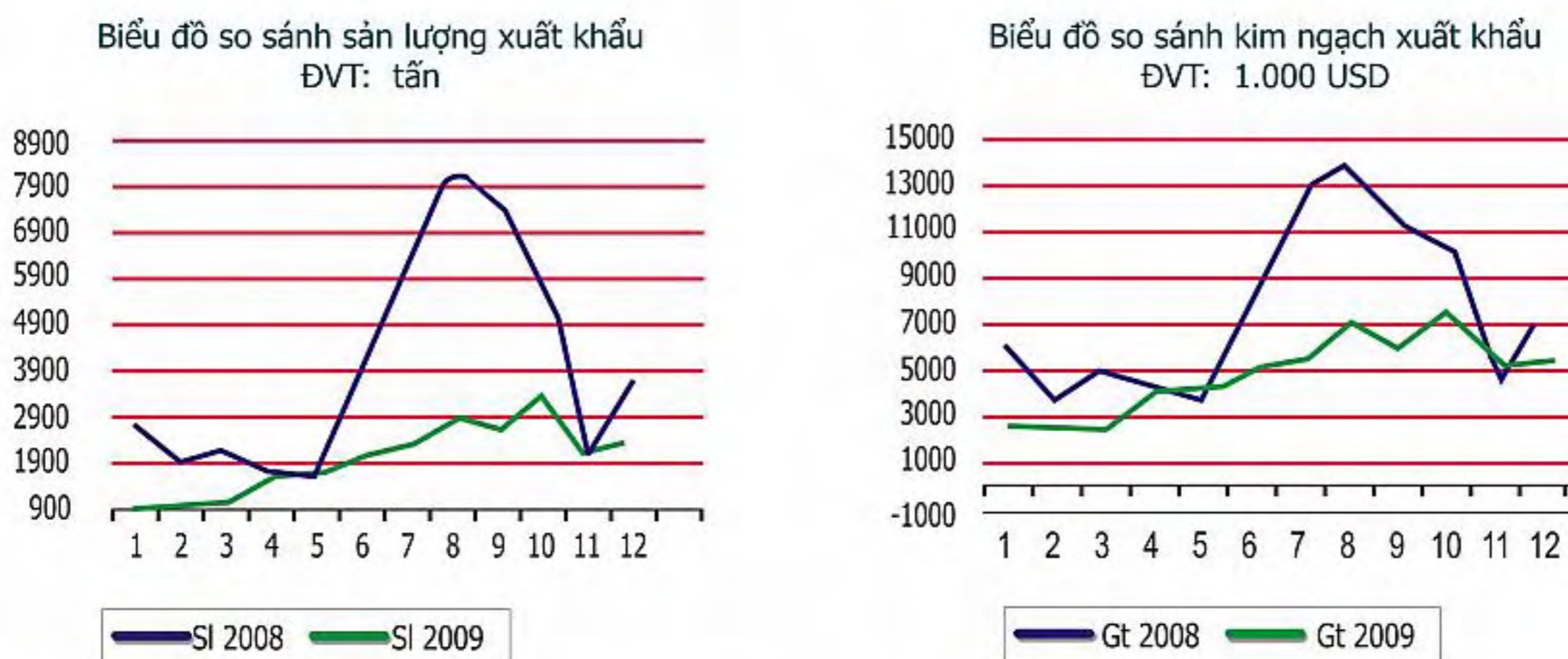
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2009

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2008	Kế hoạch 2009	Thực hiện 2009	So sánh (%)	
				2009/2008	TH/KH
Sản lượng XK	46.370 tấn	33.000 tấn	23.200 tấn	50%	70%
Doanh thu	1.987,76 tỷ	1.500 tỷ	1.346,19 tỷ	68%	90%
Kim ngạch XK	88,61 triệu	80 triệu	55,3 triệu	62%	69%
LN trước thuế	18,28 tỷ	52 tỷ	18,01 tỷ	99%	35%

Hàng giá trị gia tăng tiêu thụ trong nước đạt có nhiều nỗ lực để hoàn thành kế hoạch đề ra trong tình hình cạnh tranh gay gắt. Sản phẩm Agifish được bình chọn hàng VNCLC năm 2009, tiêu thụ mạnh trong mạng lưới các đại lý khắp cả nước, hệ thống siêu thị Metro, COOP – MART, Big C... Sản lượng tiêu thụ 2.642 tấn và doanh thu 89 tỷ, đạt 98,88 % kế hoạch 2009. Cùng với sự hồi phục của thị trường chứng khoán trong quý III/2009, các khoản đầu tư tài chính mang lại hiệu quả tương đối khá cho Công ty.

BIỂU ĐỒ SO SÁNH SẢN LƯỢNG VÀ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU



Năm 2009, Liên hợp sản xuất cá sạch APPU được chứng nhận tiêu chuẩn SQF1000, được sự hỗ trợ đầu tư từ Công ty đã duy trì sản xuất ổn định, cung cấp cho Công ty 28.500 tấn chiếm 51,35 % nhu cầu nguyên liệu của Công ty.

Cùng với sự hồi phục của thị trường chứng khoán Việt Nam trong quý III/2009, các khoản đầu tư tài chính đã mang lại hiệu quả tương đối khá cho Công ty.

3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI:

Các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong tình hình hiện nay, dù tỷ giá VND/USD có lợi cho xuất khẩu nhưng các khoản chi phí đầu vào tăng như: giá cá nguyên liệu đang đứng ở mức cao, lãi suất vốn vay, xăng dầu, điện, nước, vật tư cho sản xuất, giá cả dịch vụ... sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2010.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty xác định 2 nhiệm vụ chủ yếu của năm 2010 là cấu trúc lại tổ chức nhân sự của Công ty theo hướng tinh gọn bộ máy và soát xét lại quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

Sự kiện Công ty cổ phần thủy sản Hùng Vương chào mua công khai cổ phiếu của Công ty Agifish trong những tháng đầu năm 2010 để nắm giữ cổ phần chi phối, tạo sự hợp nhất về thị phần trong phân phối thị trường đã mở ra giai đoạn phát triển mới của Công ty Agifish. Mỗi liên kết giữa 2 Công ty hàng đầu của ngành cá Việt Nam sẽ là cơ hội tái cấu trúc lại Công ty, tổ chức lại sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

a. Các chỉ tiêu kế hoạch 2010:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2009	KẾ HOẠCH 2010
I.CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG				
1	Sản lượng xuất khẩu		23.200	35.000
2	Sản lượng tiêu thụ nội địa			
	Hàng chế biến GTGT			
	- Sản lượng	tấn	2.642	2.700
	- Doanh thu	tỷ đồng	89	90
II.CÁC CHỈ TIÊU KIM NGẠCH XNK				
1	Kim ngạch xuất khẩu	USD	55.300.000	60.000.000
2	Kim ngạch nhập khẩu	USD		20.000.000
III.CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	1.346	1.500
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	1.328	1.420
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	18	80
IV.KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG				
1	Tổng lao động	người	3.492	3.500
2	Thu nhập bình quân người/tháng	đ/n/t	2.300.000	2.500.000

b. Những giải pháp cụ thể:

- Tổ chức lại lao động từ bộ phận gián tiếp cho đến trực tiếp sản xuất theo hướng tinh gọn bộ máy nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Sản xuất: duy trì sản xuất ổn định và kiểm soát chặt chẽ các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm cung ứng cho khách hàng; cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng như giao hàng đúng tiến độ, chất lượng sản phẩm cao, đảm bảo chính xác theo đúng hợp đồng. Tiết kiệm các khoản chi phí để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Tiếp thị: đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng tiềm năng ở những thị trường mới và thị trường chất lượng cao thông qua các Hội chợ thủy sản quốc tế; quảng bá thương hiệu và sản phẩm. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng sang các thị trường truyền thống của Công ty. Riêng tại thị trường Mỹ, nhanh chóng triển khai dự án "Đầu tư và phát triển hệ thống phân phối tại Mỹ"
- Liên kết giữa các doanh nghiệp trong Hội nghề nghiệp nhằm đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, trao đổi thông tin về thị trường, đổi mới công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng và quảng bá thương hiệu chung
- Tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư vùng nguyên liệu, thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, chủ động nguồn nguyên liệu cho sản xuất. Do hiện nay ngư dân giảm diện tích nuôi khá nhiều, dự báo nhiều khả năng thiếu hụt nguyên liệu trong 6 tháng đầu năm năm 2010. Nhiệm vụ trọng tâm của Agifish là chủ động nguồn cá nguyên liệu đủ cho các nhà máy sản xuất thông qua các hình thức hợp đồng đầu tư, nuôi gia công với các thành viên Liên hợp sản xuất cá sạch Agifish
- Để ngăn ngừa nguy cơ lạm phát cao, Chính phủ đã đưa ra chỉ tiêu hạn chế tăng trưởng tín dụng ở mức 25%, không còn gói hỗ trợ lãi suất như năm 2008, chi phí sử dụng vốn sẽ tăng lên. Vì vậy Công ty cố gắng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đánh giá hiệu quả các danh mục đầu tư để quyết định duy trì hoặc chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính của AGF, để tập trung vốn cho sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán được thể hiện trong phần phụ lục đính kèm.

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:

a. Kiểm toán độc lập:

Tổ chức độc lập chịu trách nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty là: CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

- Địa chỉ: 237A5 Đường 30/4, Quận Ninh Kiều, TP CẦN THƠ

- Điện thoại: 07103. 827888 Fax: 07103. 823209

- E-mail: bdoafc.ct@bdoafc.vn

Chi tiết và ý kiến trong phụ lục đính kèm)

b. Kiểm toán nội bộ: không

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN: không

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1. Cơ cấu bộ máy tổ chức

Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An giang

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3852 368 – 3852 939 Fax: (84.76) 3852 202

Chi nhánh Công ty tại TP. HCM:

Địa chỉ: 38 - 40 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 3825 1100 – (84.8) 3829 9767. Fax: (84.8) 3822 5022

Xí nghiệp đông lạnh AGF 7

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3854 241

Xí nghiệp đông lạnh AGF 8

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3836 221 Fax: (84.76) 3836 254

Xí nghiệp đông lạnh AGF 9

Địa chỉ: 2222 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3958 999 Fax: (84.76) 3958 888

Xí nghiệp chế biến thực phẩm AGF 360

Địa chỉ: Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3857 590

Xí nghiệp dịch vụ thủy sản

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên, An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3954 08

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN KÝ

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/02/1958

Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh

CMND: 022868620

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 233/34 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P 15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc: 0903 939 763

Trình độ chuyên môn: Đại học nuôi trồng và chế biến thủy sản

Quá trình công tác:

- Từ 1982 đến 1992: Phó Phòng Kế Hoạch, Quản đốc phân xưởng thuộc Xí nghiệp Cầu Tre

- Từ 1993 đến 2002: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Sài Gòn

- Từ 2003 đến 2009: Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Tiền Giang

- Từ 2010 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Tiền Giang

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): không

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: không

Những khoản nợ đối với Công ty: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không



Ông Nguyễn Văn Ký

Họ và tên: PHÙ THANH DANH

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/02/1967

Nơi sinh: An Giang

CMND: 024330831, ngày cấp 25/03/2005, nơi cấp: CA TP Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 21 Hưng Thái, P. Tân Phong, Q7, TP Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc: 4100613 - 0903 813 888

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy Sản

Quá trình công tác:

- Từ 1990 đến nay: công tác tại Công ty Agifish

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: - Thành viên HĐQT

- Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): 100.193 cổ phần, chiếm 0,78% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: không

Những khoản nợ đối với Công ty: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không



Ông Phù Thanh Danh



Ông Lê Văn Điệp

Họ và tên: LÊ VĂN ĐIỆP

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/07/1968

Nơi sinh: Thị xã Châu Đốc, Tỉnh An Giang

CMND: 351742624, ngày cấp 05/11/2002, nơi cấp: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 250 G Nguyễn Trường Tộ, Phường Bình Khánh, Tp Long Xuyên, An Giang

Số ĐT liên lạc: 0913 972 391

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy Sản

Quá trình công tác:

- Từ 1990 đến 1993: nhân viên thu mua Công ty Agifish
- Từ 1993 đến 2000: nhân viên Phòng Kế Hoạch Công ty Agifish
- Từ 2000 đến 2004: Trợ lý Tổng Giám đốc
- Từ 2005 đến tháng 3/2008: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh AGF 8
- Từ 4/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): 13.472 cổ phần, chiếm 0,0105% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: không

Những khoản nợ đối với Công ty: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không



Bà Huỳnh Thị Thanh Giang

Họ và tên: HUỲNH THỊ THANH GIANG

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 05/01/1962

Nơi sinh: Tỉnh An Giang

CMND: 350029152, ngày cấp 03/08/2005, nơi cấp: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 206 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Xuyên, Tp Long Xuyên, An Giang

Số ĐT liên lạc: 0983 911 054

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính, kế toán.

Quá trình công tác:

- Từ 1985 đến nay: công tác tại Công ty Agifish,
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): 31.293 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

Cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Chồng: Nguyễn Ngọc Duyên, giữ 14 CP

Những khoản nợ đối với Công ty: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm:

Thực hiện chủ trương: " Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc điều hành ", HĐQT đã ra Nghị quyết thống nhất việc Ông Ngô Phước Hậu thôi giữ chức Tổng giám đốc, đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị để tập trung cho công tác định hướng chiến lược phát triển cho Công ty trong những năm sắp tới và bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Ký giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Agifish kể từ ngày 01/01/2010.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên: (thời điểm 31/12/2009)

- Tổng số lao động cuối kỳ:	3.492 người
- Tăng trong kỳ:	1.709 người
- Giảm trong kỳ:	1.970 người
- Lao động có trình độ chuyên môn:	
* Đại học, Cao đẳng:	189 người
* Trung cấp:	136 người

5. Chính sách đối với người lao động:

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản theo quy định của Nhà nước.

6. Thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009 Công ty Agifish đã tán thành giảm số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 11 xuống còn 5. Có 3 thành viên mới được bầu vào Hội đồng quản trị là thành viên độc lập và không kiêm nhiệm.

VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

a. Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên: 5 người. Trong đó:

+ Thành viên bên trong: 2 người

+ Thành viên bên ngoài: 3 người

Nhiệm kỳ: 5 năm

Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ghi chú
1. Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	2009 - 2014	
2. Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	2009 - 2014	Thành viên độc lập
3. Phù Thanh Danh	Thành viên	2009 - 2014	
4. Võ Minh Phương	Thành viên	2009 - 2014	Thành viên độc lập
5. Bùi Văn Nghĩa	Thành viên	2009 - 2014	Thành viên độc lập

Tóm tắt lý lịch cá nhân của các thành viên:

Họ và tên: NGÔ PHƯỚC HẬU

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/06/1956

Nơi sinh: Châu Phú A, Thị xã Châu Đốc, Tỉnh An Giang

CMND: 350624332, ngày cấp 05/03/2001, nơi cấp: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 37/28 Trần Đình Xu, Phường Cầu Kho, Quận I, TPHCM

Số ĐT liên lạc: 0913 834 615

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Sinh hóa

Quá trình công tác:

- Từ 1995 đến 2001: Giám đốc Công ty XNK Thủy sản An Giang

- Từ 2001 đến 2009: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: - Phó chủ tịch Hiệp hội chế biến & xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)

- Thành viên Hội đồng quản trị Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Delta AGF

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): 150.009 cổ phần, chiếm 1,17% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu: 150.009 cổ phần, chiếm 1,17% vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: không

Những khoản nợ đối với Công ty: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không



Ông Ngô Phước Hậu



Ông Dương Ngọc Minh

Họ và tên: DƯƠNG NGỌC MINH
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 22/10/1956
 Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh
 CMND: 021997925, ngày cấp 20/10/2003, nơi cấp: TPHCM
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 218/33/7 Minh Phụng, Phường 6, Q6, TPHCM
 Số ĐT liên lạc: 0903 311 111
 Trình độ chuyên môn: Kinh doanh
 Quá trình công tác:
 - Từ 1975 đến 1984: Phó Giám đốc kiêm Chỉ huy trưởng Nông trường Duyên Hải
 - Từ 1984 đến 1994: Giám đốc Công ty chế biến thủy sản Hùng Vương
 - Từ 2003 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương
 Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương
 Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): 2.818.466 cổ phần, chiếm 21,82% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 2.818.466 cổ phần, chiếm 21,82% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu:
 Cam kết nắm giữ (nếu có)
 Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: không
 Những khoản nợ đối với Công ty: không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không



Ông Phù Thanh Danh

Họ và tên: PHÙ THANH DANH
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 10/02/1967
 Nơi sinh: An Giang
 CMND: 024330831, ngày cấp 25/03/2005, nơi cấp: CA TP Hồ Chí Minh
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 21 Hưng Thái, P. Tân Phong, Q7, TP Hồ Chí Minh
 Số ĐT liên lạc: 4100613 - 0903 813 888
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy Sản
 Quá trình công tác:
 - Từ 1990 đến nay: công tác tại Công ty Agifish
 Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: - Thành viên HĐQT
 - Phó Tổng Giám đốc
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): 100.193 cổ phần, chiếm 0,78% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu:
 + Cá nhân sở hữu:
 Các cam kết nắm giữ (nếu có)
 Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: không
 Những khoản nợ đối với Công ty: không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

Họ và tên: **VÕ MINH PHƯƠNG**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 22/05/1958
Nơi sinh: Tỉnh Long An
CMND: 020077902, ngày cấp 19/10/1995, nơi cấp: An Giang
Quốc tịch: TPHCM
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 158/2/2 Bà Hạt, Phường 9, Q10, TPHCM
Số ĐT liên lạc: 0902 569 113
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính, kế toán.

Quá trình công tác:

- Từ 1980 đến 1988: Giáo viên Đại học tài chính kế toán
- Từ 1988 đến 1991: Kế toán trưởng Công ty liên doanh Cinotec
- Từ 1992 đến 2001: Chủ doanh nghiệp tư nhân
- Từ 2002 đến 2006: Kế toán Công ty cổ phần Incomfish
- Từ 2007 đến nay: Kế toán Công ty cổ phần Hùng Vương - Tiền Giang

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): 645.310 cổ phần, chiếm 5,01 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 645.310 cổ phần, chiếm 5,01 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu:

Cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: không

Những khoản nợ đối với Công ty: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không



Ông Võ Minh Phương

Họ và tên: **BÙI VĂN NGHĨA**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 09/01/1958
Nơi sinh: Đồng Tháp
CMND: 341362337, ngày cấp 20/06/2003, nơi cấp: TP Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 151/5 Nguyễn Trãi, Phường 2, Q5, TP Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc: 0913 897 242
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trồng trọt, Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 1979 đến 1985: CB - CNV Sở Nông nghiệp Tỉnh Đồng Tháp
- Từ 1985 đến 1987: Phó Giám đốc Công ty vật tư nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp
- Từ 1987 đến 1994: Phó Giám đốc Công ty XNK Lương thực, vật tư nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp
- Từ 1994 đến 1999: Phó Giám đốc Công ty chế biến gạo Việt Nguyên (Công ty liên doanh với HonhKong)
- Từ 1999 đến 2003: Phó Giám đốc, Quyền Giám đốc, Giám đốc Công ty Lương thực cấp I Cao Lãnh
- Từ 2003 đến 2004: Giám đốc Công ty Lương thực cấp I Sài Gòn
- Từ 2004 đến 2005: Giám đốc Công ty kinh doanh chế biến Mì Màu
- Từ 2005 đến 2006: Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Sài Gòn Kho Vận

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: không

Những khoản nợ đối với Công ty: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không



Ông Bùi Văn Nghĩa

b. Ban Kiểm soát:

Họ và tên: TĂNG PHƯỚC QUANG

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 29/12/1981

Nơi sinh: Thị xã Châu Đốc, Tỉnh An Giang

CMND: 350913118, ngày cấp 14/01/1998, nơi cấp: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 285 Lê Đại Hành, Phường 13, Quận 11, Tp HCM

Số ĐT liên lạc: 083 962 0616

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 01/05/2007 đến nay: công tác tại Công ty Agifish,

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): 27.000 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: không

Những khoản nợ đối với Công ty: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không



Ông Tăng Phước Quang

Họ và tên: HUỖNH VIỆT NHÂN

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/08/1968

Nơi sinh: Long Xuyên, Tỉnh An Giang

CMND: 350913118 ngày cấp 26/10/2004, nơi cấp: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: T5 Phan Văn Trị, Phường Bình Khánh, Tp Long Xuyên, An Giang

Số ĐT liên lạc: 0913 877 469

Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 1989 đến 1998: Kế toán Công ty XNK Thủy Sản

- Từ 1998 đến 2003: Kế toán trưởng Công ty cổ phần vận tải lạnh An Giang

- Từ 2003 đến nay: Giám đốc Công ty cổ phần vận tải lạnh An Giang

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kiểm soát viên

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty cổ phần vận tải lạnh An Giang

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): 2.307 cổ phần, chiếm 0,0179% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: không

Những khoản nợ đối với Công ty: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không



Ông Huỳnh Việt Nhân

Họ và tên: DƯƠNG NGUYỄN BẠCH DƯƠNG
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 24/11/1977
 Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
 CMND: 023068892, ngày cấp 29/08/2005, nơi cấp: TP Hồ Chí Minh
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 3/4 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, TP Hồ Chí Minh
 Số ĐT liên lạc: 083 8655 769
 Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Kinh Tế
 Quá trình công tác:
 - Từ 01/01/2008 đến nay: công tác tại Công ty Agifish
 Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kiểm soát viên
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
 Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):
 + Đại diện sở hữu:
 + Cá nhân sở hữu:
 Các cam kết nắm giữ (nếu có)
 Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: không
 Những khoản nợ đối với Công ty: không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không



Ông Dương Nguyễn Bạch Dương

2. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

Thành phần, tổ chức của Hội đồng quản trị phù hợp với giai đoạn phát triển của Công ty trong tình hình mới. Hội đồng quản trị đã nghiêm túc tổ chức các phiên họp thường kỳ nhằm vạch ra các chủ trương đúng đắn cho công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả. Trong năm 2009 đã họp 4 lần và ban hành 4 nghị quyết của Hội đồng quản trị. Nội dung các cuộc họp nhằm bàn bạc, thảo luận và quyết định những vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy và nhân sự của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh, về đầu tư bên ngoài, kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm và quyết tâm cao có những quyết sách đúng đắn đem lại hiệu quả cho Công ty.

Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết HĐQT Công ty đến từng cán bộ quản lý, phòng ban. Báo cáo đầy đủ và kịp thời cho Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, phân phối lợi nhuận, các công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông, đề xuất các chính sách liên quan đến chiến lược phát triển để HĐQT đưa ra quyết định đúng đắn. Trực tiếp chỉ đạo việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán kịp thời, chính xác theo đúng quy định.

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, các cuộc họp HĐQT đều có Trưởng ban kiểm soát tham dự qua đó kịp thời giám sát và góp ý kiến cho các hoạt động cũng như quyết định của HĐQT theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

Thù lao cho Hội đồng quản trị trong năm 2009 như sau:

Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao được nhận
1. Ngô Phước Hậu	Chủ tịch HĐQT	52.358.729
2. Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch HĐQT	37.814.638
3. Phù Thanh Danh	Thành viên	30.251.711
4. Võ Minh Phương	Thành viên	25.209.759
5. Bùi Văn Nghĩa	Thành viên	25.209.759
Cộng		170.844.596

3. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG (xác định đến ngày 01/03/2010)

a. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
1. Cổ đông Nhà nước	1.053.133	8,19
2. Cổ đông đặc biệt		
- HĐQT	250.202	1,95
- BGD	144.958	1,13
- BKS	29.307	0,28
3. Cổ đông CB - CNV Công ty	624.777	4,86
4. Cổ đông ngoài Công ty	12.234.511	95,14
a. Cổ đông trong nước	11.683.316	90,86
- Tổ chức	4.370.456	33,90
- Cá nhân	7.312.860	56,87
b. Cổ đông nước ngoài	551.195	4,28
- Tổ chức	343.213	2,67
- Cá nhân	207.982	1,61

b. Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn:

STT	Tên họ	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước - Đại diện Ông Ngô Phước Hậu	Số 6 Phan Huy Chú - Hà Nội	1.053.133	8,19%
2	Công ty CP Hùng Vương	Lô 44, Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	2.818.466	21,82%
3	Trần Văn Đạt	144 Châu Văn Liêm, Q5, TP HCM	3.086.470	24,00%

- Số lượng cổ đông ngoài tổ chức phát hành:
- Số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đông ngoài tổ chức phát hành: 11.342.709

Công ty cổ phần XNK Thủy sản An Giang

Chủ tịch HĐQT



Ngô Phước Hậu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	1/1/2009
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		663,860,980,247	614,015,506,183
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	18,811,729,995	13,832,260,757
Tiền	111		18,811,729,995	3,832,260,757
Các khoản tương đương tiền	112		-	10,000,000,000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	32,902,165,085	22,473,311,418
Đầu tư ngắn hạn	121		35,784,728,555	26,901,282,288
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2,882,563,470)	(4,427,970,870)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	354,883,381,741	393,603,123,019
Phải thu khách hàng	131		348,676,532,576	348,806,443,073
Trả trước cho người bán	132		13,202,417,237	43,372,591,156
Phải thu nội bộ	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		2,988,162,487	1,424,088,790
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9,983,730,559)	-
Hàng tồn kho	140	5.4	246,601,378,300	176,872,489,929
Hàng tồn kho	141		249,603,536,956	176,872,489,929
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3,002,158,656)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150	5.5	10,662,325,126	7,234,321,060
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,411,070,600	2,827,923,659
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,478,701,960	3,519,630,024
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		10,318,441	362,244,404
Tài sản ngắn hạn khác	158		5,762,234,125	524,522,973

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	1/1/2009
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		546,082,578,339	550,244,937,967
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		399,048,880,244	406,844,412,144
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	360,476,285,186	367,112,568,145
Nguyên giá	222		496,614,081,890	475,015,194,308
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(136,137,796,704)	(107,902,626,163)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	37,277,944,061	35,228,679,840
Nguyên giá	228		37,734,400,824	35,626,984,847
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(456,456,763)	(398,305,007)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	1,294,650,997	4,503,164,159
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	137,678,000,000	130,539,800,000
Đầu tư vào công ty con	251		-	20,400,000,000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20,400,000,000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		118,017,750,000	130,075,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(739,750,000)	(19,935,200,000)
Tài sản dài hạn khác	260		9,355,698,095	12,860,725,823
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	8,830,698,095	12,335,725,823
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	5.11	525,000,000	525,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,209,943,558,586	1,164,260,444,150

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	1/1/2009
NỢ PHẢI TRẢ	300		582,971,570,602	542,756,306,604
Nợ ngắn hạn	310		574,738,425,990	542,026,418,034
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	471,059,418,545	433,730,423,943
Phải trả người bán	312	5.13	77,954,049,569	73,630,297,439
Người mua trả tiền trước	313	5.13	1,900,261,683	1,915,661,863
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	6,086,052,102	2,111,013,436
Phải trả người lao động	315	5.15	6,651,569,387	8,721,216,148
Chi phí phải trả	316	5.16	3,483,310,211	13,043,981,047
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.17	7,603,764,493	8,873,824,158
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Nợ dài hạn	330	5.18	8,233,144,612	729,888,570
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		7,435,824,703	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		797,319,909	729,888,570
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		626,971,987,984	621,504,137,546
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	623,520,199,817	618,205,902,515
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128,592,880,000	128,592,880,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		385,506,013,400	385,506,013,400
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5,635,539,542	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		79,182,945,087	77,750,320,553
Quỹ dự phòng tài chính	418		8,849,248,265	8,008,547,528
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14,244,845,972	16,839,413,483
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		1,508,727,551	1,508,727,551
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3,451,788,167	3,298,235,031
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	5.20	3,440,788,167	3,287,235,031
Nguồn kinh phí	432		11,000,000	11,000,000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,209,943,558,586	1,164,260,444,150

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh	31/12/2009	1/1/2009
Tài sản thuê ngoài			
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		2,860,445,208	2,860,445,208
Ngoại tệ các loại			
Đồng Đôla Mỹ (USD)		771,459.77	95,497.20
Đồng Euro (EUR)		7,413.92	6,126.74
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

An Giang, ngày 01 tháng 03 năm 2010

LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VĂN TRIỀU**VÕ THÀNH THÔNG****NGUYỄN VĂN KÝ**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1,346,189,685,101	1,987,763,283,824
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11,891,961,809	21,314,383,873
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	6.1	1,334,297,723,292	1,966,448,899,951
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1,228,296,146,320	1,669,253,119,719
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		106,001,576,972	297,195,780,232
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	105,383,771,575	41,966,362,479
Chi phí tài chính	22	6.4	19,276,912,190	63,730,424,168
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39,152,469,220	38,178,534,382
Chi phí bán hàng	24	6.5	136,065,027,573	237,916,165,994
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	35,525,998,486	19,798,656,766
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		20,517,410,298	17,716,895,783
Thu nhập khác	31	6.7	3,516,682,598	5,841,124,360
Chi phí khác	32	6.8	6,018,903,630	5,277,548,271
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2,502,221,032)	563,576,089
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18,015,189,266	18,280,471,872
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	3,570,653,566	1,367,040,341
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		14,444,535,700	16,913,431,531
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,123	1,315

An Giang, ngày 01 tháng 03 năm 2010

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN VĂN TRIỀU

VÕ THÀNH THÔNG

NGUYỄN VĂN KÝ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kể thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	18,015,189,266	18,280,471,872
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	41,814,074,702	35,011,507,671
Các khoản dự phòng	03	(8,554,968,185)	22,976,675,870
Lãi , lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	341,392,527	(17,451,011,302)
Lãi , lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(20,038,735,707)	(17,280,986,939)
Chi phí lãi vay	06	39,152,469,220	38,178,534,382
Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	70,729,421,823	79,715,191,554
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19,027,447,756	(270,851,735,409)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(72,731,047,027)	(559,287,844)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14,656,250,807	49,510,404,302
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4,086,351,849	(4,338,262,595)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(39,376,633,848)	(38,364,074,791)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1,252,044,004)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1,082,989,611	5,485,654,885
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2,488,623,145)	(2,118,388,223)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5,013,842,174)	(182,772,542,125)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(24,328,104,034)	(104,670,410,923)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	22	661,318,176	526,542,684
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(46,570,000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	100,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(121,328,528,550)	(217,344,338,825)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	126,017,049,815	214,659,145,567
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20,619,589,305	17,884,146,122
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1,594,754,712	(88,844,915,375)

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,238,569,463,480	2,423,391,517,800
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,217,638,682,777)	(2,152,460,575,131)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12,859,288,000)	(15,431,145,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8,071,492,703	255,499,797,069
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	4,652,405,241	(16,117,660,431)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13,832,260,757	13,706,072,850
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	327,063,997	16,243,848,338
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	18,811,729,995	13,832,260,757

An Giang, ngày 01 tháng 03 năm 2010

LẬP BIỂU



NGUYỄN VĂN TRIỀU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ THÀNH THÔNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

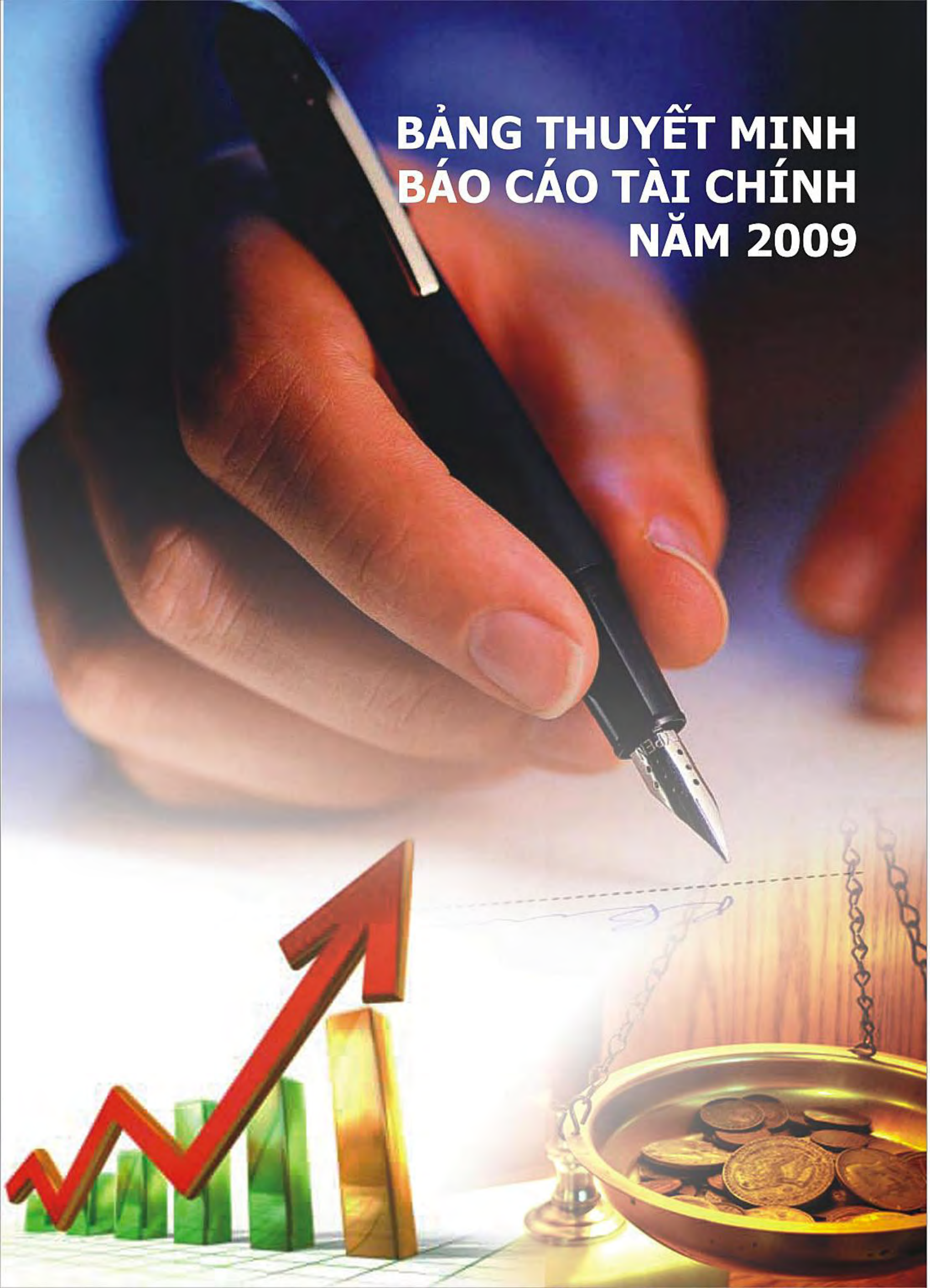


NGUYỄN VĂN KÝ





BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009



1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (dưới đây gọi tắt là "Công Ty") được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang theo Quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

- Ngày 01/09/2001, Công ty Agifish chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000009 lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2001, đăng ký thay đổi lần 17 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600583588 ngày 12 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

- Thời gian hoạt động Công ty là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 08 năm 2001.

- Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - chế biến.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh thủy hải sản đông lạnh;

- Chế biến và xuất khẩu thủy hải sản đông lạnh;

- Sản xuất nông Sản vật tư nông nghiệp, mua vật tư nguyên liệu hóa chất phục vụ cho Sản xuất (không mang tính độc hại)

- Mua bán đồ uống các loại và hàng mỹ phẩm;

- Sản xuất mua bán thuốc thú y, thủy sản;

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Chi nhánh và xí nghiệp trực thuộc:

Công ty có các chi nhánh và các xí nghiệp trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp đông lạnh số 7 đặt tại số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

- Xí nghiệp đông lạnh số 8, đặt tại thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.

- Xí nghiệp đông lạnh số 9, đặt tại số 2222 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

- Xí nghiệp chế biến thực phẩm đặt tại số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

- Chi nhánh tại TP.HCM đặt tại 38-40 đường Nguyễn Thái Bình, Quận I, Thành Phố HCM.

Công ty liên kết:

Công ty có 1 công ty liên kết là : Công ty Cổ Phần đầu tư xây dựng Delta AGF

Địa chỉ : số 18 Quốc lộ 91, Phường Mỹ Thạnh, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo chế độ kế toán Việt Nam và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Hình thức sổ trên máy vi tính

4. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các giao dịch ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Vào thời điểm cuối năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm cuối năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận như sau :

-Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10), tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

-Theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại được ghi nhận như sau :

*Đối với các khoản mục tiền và các khoản nợ ngắn hạn : các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm mà được trình bày trong khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán.

*Đối với các khoản phải thu dài hạn : các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

*Đối với các khoản phải trả dài hạn : các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Trường hợp chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản phải trả này tính vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho các năm sau nhưng không quá 5 năm để doanh nghiệp không bị lỗ nhưng phần chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó.

Trong năm tài chính trước, việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại trong Báo cáo tài chính được áp dụng theo VAS 10 ; nhưng trong năm tài chính này, Ban giám đốc Công ty đã chọn cách ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Sự thay đổi này không ảnh hưởng trọng yếu đến số đầu năm trong báo cáo tài chính và các số liệu so sánh.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

4.4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận:

TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi TSCĐ được nhượng bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao căn cứ vào Quyết định số 206/2009/TT-BTC ngày 12/12/2003 do Bộ Tài chính ban hành, cụ thể như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Số năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc thiết bị	2 - 12
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	2 - 6
- Tài sản cố định khác	3 - 5

Tài sản cố định vô hình:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất đất là toàn bộ chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao, riêng quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng. Quyền sử dụng đất có diện tích 1.558 m² có thời hạn sử dụng là 48 năm 05 tháng sẽ được khấu hao bằng thời gian sử dụng.

Phần mềm máy vi tính

Là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong năm 5 năm.

4.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ cho mục đích sản xuất của Công ty được ghi nhận theo giá gốc.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hóa.
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.
- Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước được xác định theo giá trị ban đầu trừ đi (-) giá trị phân bổ lũy kế.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước
- Việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí.

4.8 Quỹ trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập theo Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ tài chính, mức trích lập là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội

4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: phản ánh số vốn thực tế đã góp bằng tiền, bằng tài sản khi thành lập hoặc huy động thêm vốn để mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

Vốn khác của chủ sở hữu: là giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân tặng, biếu sau khi đã trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến tài sản được biếu tặng này.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu bán hàng nội địa được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời năm (05) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận tại thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ.

4.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái
- Chi phí tài chính được ghi nhận là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Năm 2008, Công ty đã thực hiện hết các ưu đãi theo CV số 1202/CT-NV ngày 4/10/2001 của Cục thuế tỉnh An Giang, được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50 % trong 4 năm tiếp theo. Công ty cũng đã thực hiện xong khoản ưu đãi theo Công văn số 11924/TC/CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính, giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 02 năm tiếp theo kể từ khi hết thời hạn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như đã nêu trên.
- Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 28/CN-UBND ngày 14/06/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang, Công ty được miễn thuế TNDN trong 01 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50 % trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư "Xây dựng kho lạnh 3.000 tấn và Xí nghiệp Thủy sản đông lạnh số 1" (Xí nghiệp AGF9) mang lại. Dự án đã hoàn thành đưa vào hoạt động từ tháng 4 năm 2007, nhưng theo đánh giá của Công ty thì dự án chưa mang lại thu nhập chịu thuế nên đã đăng ký với cơ quan Thuế lùi thời gian bắt đầu hưởng ưu đãi thuế từ năm 2009.
- Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 512121000068 ngày 07/08/2007 của P.Chủ tịch UBND tỉnh An Giang, Công ty được miễn thuế TNDN trong 01 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư "Cải tạo nâng cấp Xí nghiệp đông lạnh 8" mang lại. Dự án đã hoàn thành đưa vào hoạt động từ tháng 03 năm 2008, nhưng theo đánh giá của Công ty thì cả 02 dự án chưa mang lại thu nhập chịu thuế nên đã tiếp tục gửi Công văn số 166/CVCP TS ngày 18/10/2008 để đăng ký với cơ quan Thuế lùi thời gian bắt đầu hưởng ưu đãi thuế cả 02 dự án trên từ năm 2010.
- Theo công văn số 11026/BTC-CST ngày 8/9/2006 của Bộ Tài chính, từ ngày 1/1/2004 Công ty được chuyển sang áp dụng thuế suất 20% cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại (hết năm 2010).
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định dựa trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.13 Quỹ tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương tính vào chi phí căn cứ theo đơn giá tiền lương sản phẩm đăng ký với Cục Thuế An Giang và các thông báo thay đổi đơn giá tiền lương của Ban Giám đốc Công Ty.

4.14 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Trong năm tài chính này, Công Ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn theo tỷ lệ như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 15% và 5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 15% và 5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích 2% quỹ lương cơ bản.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009 VND		01/01/2009 VND
Tiền mặt	1.150.323.804		824.911.026
Tiền gửi ngân hàng (VND)	3.856.592.523		1.407.799.887
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ (USD, EUR)	13.804.813.668	(i)	358.537.244
Các khoản tương đương tiền	-		10.000.000.000
Cộng	18.811.729.995		13.832.260.757

(i) Vào ngày 31/12/2009, tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ như sau:

Ngân hàng	Ngoại tệ		VND
Tiền gửi Vietcombank AG - USD	546.248,2	#	9.800.239.315
Tiền gửi Vietcombank AG - EUR	1.015,9	#	26.959.029
Tiền gửi Ngân hàng Nông Nghiệp AG - USD	1.402,0	#	25.153.820
Tiền gửi Sacombank AG - USD	1,1	#	20.273
Tiền gửi Eximbank AG - USD	50,0	#	897.050
Tiền gửi PGBank An Giang - USD	416,7	#	7.475.476
Tiền gửi EximBank TPHCM - EUR	6,6	#	119.846
Tiền gửi EximBank TPHCM - USD	672,4	#	12.063.170
Tiền gửi Vietcombank TPHCM - USD	1.307,4	#	23.456.063
Tiền gửi HONGKONG BANK TPHCM - USD	167.105,6	#	2.998.040.852
Tiền gửi INDOVINA BANK TPHCM - USD	215,8	#	3.871.488
Tiền gửi BANGKOK BANK TPHCM - USD	46.191,2	#	828.715.960
Tiền gửi ANZ BANK TPHCM - USD	4.336,5	#	77.801.326
Cộng	768.969,5		13.804.813.668

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009 VND		01/01/2009 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	5.756.585.870	(i)	5.663.445.870
Đầu tư ngắn hạn khác	30.028.142.685	(ii)	21.237.836.418
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.882.563.470)	(iii)	(4.427.970.870)
Cộng	32.902.165.085		22.473.311.418

(i) Chi tiết đầu tư Cổ Phiếu ngắn hạn

Loại cổ phiếu	Số lượng	Thành tiền
SSI (SL ban đầu 15.000 CP, Năm 2007 tăng 7.500 Do được chia theo TL 2:1)	22.500	3.802.590.000
STB (SL đầu năm 31.050 CP, Năm 2009 tăng 9.314 Do được chia theo TL 30%)	40.364	1.953.995.870
Cộng		5.756.585.870

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn khác

Đầu tư thức ăn nuôi cá cho các thành viên trong liên hợp cá sạch Agifish (APPU)	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Ban điều hành	13.416.162.546	11.764.960.377
Tổ chức, cá nhân liên quan	7.294.520.000	5.865.775.667
Đối tượng khác	9.317.460.139	3.607.100.374
Cộng	30.028.142.685	21.237.836.418

(iii) Chi tiết khoản dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn tại 31/12/2009 như sau

Loại cổ phiếu	Dự phòng giảm giá đầu tư đã lập 2008	Dự phòng giảm giá đầu tư phải lập 2009	Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư 2009
SSI	3.172.590.000	1.901.340.000	1.271.250.000
STB	1.255.380.870	981.223.470	274.157.400
Cộng	4.427.970.870	2.882.563.470	1.545.407.400

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải thu khách hàng tiền việt	165.072.228.006	119.614.937.902
Phải thu khách hàng ngoại tệ	183.604.304.570 (i)	229.191.505.171
Trả trước cho người bán	13.202.417.237 (ii)	43.372.591.156
Các khoản phải thu khác	2.988.162.487 (iii)	1.424.088.790
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.983.730.559)	-
Cộng	354.883.381.741	393.603.123.019

(I) Phải thu khách hàng Ngoại tệ tại 31/12/2009 là 183.604.304.570 VND, tương đương 10.233.783,21 USD. Trong đó khách hàng JSC ATLANT-PACIFIC nợ Công Ty với số tiền 3.198.614 USD tương đương 57.386.333.774 VND từ năm 2008 đến năm 2009, Công Ty đã lập dự phòng với số tiền 9.876.520.500 VND tương đương 550.500 USD. Theo công văn ngày 23 tháng 12 năm 2009, khách hàng JSC ATLANT-PACIFIC cam kết sẽ trả nợ số tiền 2.648.114 USD trong năm 2010.

(ii) Chi tiết các khoản trả trước cho người bán

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Ứng vốn cho Công ty ĐT & XD Delta AGF	7.041.719.561	41.809.507.209
Trả trước tiền mua thức ăn chăn nuôi	5.361.925.896	965.586.240
Tiền gian hàng hội chợ	467.828.576	506.597.275
Khác	330.943.204	90.900.432
Cộng	13.202.417.237	43.372.591.156

(iii) Chi tiết các khoản phải thu khác

	VND
Thu lãi đầu tư TA cho cá trả chậm	1.007.826.784
Tiền cho mượn chưa thu hồi	50.000.000
Bảo hiểm xã hội	96.451.305
Bảo hiểm Y tế	19.290.261
Các khoản phải thu khác	1.814.594.137
Cộng	2.988.162.487

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2009 VND		01/01/2009 VND
Hàng mua đang đi đường	-		-
Nguyên liệu, vật liệu	10.155.775.399	(i)	13.271.496.919
Công cụ, dụng cụ	1.313.181.472		1.199.770.952
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.164.193.545		258.240.952
Thành phẩm	231.279.196.377	(ii)	160.602.376.350
Hàng hóa	1.691.190.163		1.540.604.756
Hàng gửi đi bán	-		-
Cộng	249.603.536.956		176.872.489.929
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.002.158.656)		-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	246.601.378.300		176.872.489.929

(i) Chi tiết nguyên liệu vật liệu tại thời điểm 31/12/2009 như sau:

	VND
Nguyên vật liệu chính	1.938.338.378
Nguyên vật liệu phụ	6.829.873.944
Nhiên liệu	423.179.034
Phụ tùng thay thế	964.384.043
Cộng	10.155.775.399

(ii) Chi tiết thành phẩm tại thời điểm 31/12/2009 như sau

	VND
Thành phẩm đông lạnh F7	69.450.140.860
Thành phẩm đông lạnh F8	65.709.856.557
Thành phẩm mặt hàng mới F7	26.277.563.283
Thành phẩm thuốc thú y thủy sản	128.241.134
Thành phẩm xí nghiệp 7 chưa đóng thùng	4.772.840
Thành phẩm AGF9	69.708.621.703
Cộng	231.279.196.377

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND		01/01/2009 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.411.070.600	(I)	2.827.923.659
Thuế GTGT được khấu trừ	2.478.701.960		3.519.630.024
Thuế & các khoản khác phải thu Nhà nước	10.318.441	(ii)	362.244.404
Tạm ứng	5.762.234.125		524.522.973
Cộng	10.662.325.126		7.234.321.060

(i) Chi tiết chi phí trả trước ngắn hạn

	VND
Công cụ dụng cụ	1.383.647.546
Bảo hiểm	169.421.255
Khám sức khỏe định kỳ	64.914.000
Chi phí sửa chữa	679.925.119
Chi phí trả trước khác	113.162.680
Cộng	2.411.070.600

(ii) Chi tiết Thuế & các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp		362.244.404
Thuế xuất nhập khẩu	10.318.441	
Thuế thu nhập cá nhân		
Cộng	10.318.441	362.244.404

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2009	126.160.188.560	337.953.640.093	8.614.912.238	2.223.317.482	63.135.935	475.015.194.308
- Mua trong năm	5.531.672.041	30.392.233.640	1.846.396.240	218.073.554	10.000.000	37.998.375.475
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(16.399.487.893)	-	-	-	(16.399.487.893)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2009	131.691.860.601	351.946.385.840	10.461.308.478	2.441.391.036	73.135.935	496.614.081.890
Hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2009	20.679.275.538	81.187.639.001	4.405.876.101	1.589.499.588	40.335.935	107.902.626.163
- Khấu hao trong năm	7.061.305.665	33.081.383.144	1.222.773.905	385.104.676	5.355.556	41.755.922.946
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(13.520.752.405)	-	-	-	(13.520.752.405)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2009	27.740.581.203	100.748.269.740	5.628.650.006	1.974.604.264	45.691.491	136.137.796.704
Giá trị còn lại						
Số dư 01/01/2009	105.480.913.022	256.766.001.092	4.209.036.137	633.817.894	22.800.000	367.112.568.145
Số dư 31/12/2009	103.951.279.398	251.198.116.100	4.832.658.472	466.786.772	27.444.444	360.476.285.186

* Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã được dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay.

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ VH khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư 01/01/2009	35.369.468.847	257.516.000	-	35.626.984.847
Tăng trong năm	2.107.415.977	-	-	2.107.415.977
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư 31/12/2009	37.476.884.824	257.516.000	-	37.734.400.824

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ VH khác	Cộng
Hao mòn lũy kế				
Số dư 01/01/2009	243.674.355	154.630.652	-	398.305.007
Khấu hao trong năm	2.053.068	56.098.688	-	58.151.756
Khấu hao giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư 31/12/2009	245.727.423	210.729.340	-	456.456.763
Giá trị còn lại				
Số dư 01/01/2009	35.125.794.492	102.885.348	-	35.228.679.840
Số dư 31/12/2009	37.231.157.401	46.786.660	-	37.277.944.061

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.294.650.997 (i)	4.503.164.159
Cộng	1.294.650.997	4.503.164.159

(i) Chi tiết Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009 VND
Mua quyền sử dụng đất	900.000.000
Máy móc thiết bị và XDCB XN AGF7	359.790.400
Sửa chữa lớn khác	34.860.597
Cộng	1.294.650.997

5.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư vào công ty con	-	20.400.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	20.400.000.000 (i)	-
Đầu tư dài hạn khác	118.017.750.000 (ii)	130.075.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(739.750.000) (iii)	(19.935.200.000)
Cộng	137.678.000.000	130.539.800.000

(i) Thông tin về Công ty liên kết như sau

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công Ty CP đầu tư và xây dựng Delta	Số 18, QL 91, P. Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên, AG,	56.916.460.000	35,84%	35,84%

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

	Số Lượng	VND
Cổ phiếu		118.017.750.000
Loại Cổ Phiếu		VND
Công ty CP Thủy Sản Hùng Vương	326.000	18.017.750.000
Quỹ tầm nhìn SSI	10.000.000	100.000.000.000
Cộng		118.017.750.000

(iii) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại 31/12/2009 như sau:

Tên đơn vị	Dự phòng giảm giá đầu tư đã lập 2008	Dự phòng giảm giá đầu tư phải lập 2009	Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư 2009
Công ty CP Thủy Sản Hùng Vương	14.075.200.000	739.750.000	13.335.450.000
Quỹ tầm nhìn SSI	5.860.000.000	-	5.860.000.000
Cộng	19.935.200.000	739.750.000	19.195.450.000
5.10 Chi phí trả trước dài hạn			
		31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Công cụ dụng cụ		8.069.493.219	10.760.785.983
Tiền thuê cư xá Sao Mai		739.200.000	1.545.600.000
Chi phí dài hạn khác		22.004.876	29.339.840
Cộng		8.830.698.095	12.335.725.823
5.11 Tài sản dài hạn khác			
		31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn		525.000.000	525.000.000
Chủ yếu là khoản tiền ký quỹ Công Ty Cổ Phần và Xây Dựng Sao Mai			
5.12 Vay và nợ ngắn hạn			
		31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay ngắn hạn		471.059.418.545 (I)	433.730.423.943
Nợ dài hạn đến hạn trả		-	-
Cộng		471.059.418.545	433.730.423.943

(I) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

* Khoản vay ngắn hạn ở Ngân hàng Phát triển - CN An Giang, hợp đồng tín dụng số 07/2009/HĐXKHM-NHPT PC, chi tiết như sau:

Ngày vay:	12/05/2009
Ngày trả:	31/12/2009
Mục đích vay:	Thu mua cá tra, basa nguyên liệu
Lãi suất vay trong hạn:	0,95%/tháng và biến động theo từng thời điểm giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ
Lãi suất quá hạn:	150% lãi suất nợ trong hạn
Số dư nợ:	68.000.000.000
Số tiền vay:	150.000.000.000
Bảo đảm vay:	Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (không đảm bảo vốn vay)

* Khoản vay ngắn hạn ở Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh An Giang, hợp đồng tín dụng vay vốn số 331/2009/NHNT.AG, chi tiết:

Ngày vay:	26/11/2009
Ngày trả:	26/02/2010
Mục đích vay:	Vay vốn lưu động để chế biến thủy sản
Lãi suất vay trong hạn:	0,95%/tháng và biến động theo từng thời điểm giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ
Lãi suất quá hạn:	150% lãi suất vay trong hạn
Số dư nợ:	139.860.687.570
Số tiền vay:	250.000.000.000

* Khoản vay ngắn hạn ở Ngân hàng TMCP XNK VN - Chi nhánh An Giang, hợp đồng tín dụng vay vốn số 1502-LAV-200900155 chi tiết:

Ngày vay:	30/03/2009
Ngày trả:	30/03/2010
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất vay trong hạn:	0,95%/tháng
Lãi suất quá hạn:	150% lãi suất vay trong hạn
Số dư nợ:	71.366.346.423
Số tiền vay:	90.000.000.000
Bảo đảm vay:	Không đảm bảo tiền vay

* Khoản vay ngắn hạn ở Ngân hàng Nông nghiệp PTNT - Chi nhánh An Giang, hợp đồng tín dụng vay vốn số 99/2009/HDTD chi tiết:

Ngày vay:	24/06/2009
Ngày trả:	24/06/2010
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất vay trong hạn:	0,95%/tháng
Lãi suất quá hạn:	150% lãi suất vay trong hạn
Số dư nợ:	6.939.479.938
Số tiền vay:	150.000.000.000

* Khoản vay ngắn hạn ở Ngân hàng INDOVINABANK, hợp đồng tín dụng vay vốn số 168/1010/CL/1003493 ngày 05/11/2008 chi tiết:

Ngày vay:	05/11/2008
Ngày trả:	05/11/2009
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất vay trong hạn:	0,95%/tháng
Lãi suất quá hạn:	150% lãi suất vay trong hạn
Số dư nợ:	61.500.000.000
Số tiền vay:	61.500.000.000

* Khoản vay ngắn hạn ở Ngân hàng HSBC TPHCM, hợp đồng tín dụng vay vốn số VND CDT 090937 ngày 30/09/2009 (Thư đề nghị cung cấp tiện ích tín dụng làm hàng xuất khẩu và tiện ích chiết khấu hối phiếu xuất khẩu)

Ngày vay:	30/09/2009
Ngày trả:	6 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất vay trong hạn:	0,95%/tháng
Lãi suất quá hạn:	1,35 lần
Số dư nợ:	64.995.903.614
Số tiền vay:	72.000.000.000
- Tiện ích tín dụng làm hàng XK:	62.000.000.000
- Tiện ích chiết khấu hối phiếu XK:	10.000.000.000

* Khoản vay ngắn hạn ở Ngân hàng PGB, hợp đồng tín dụng vay vốn số 0225.AG/HDHM/NH-PN/PGB

Ngày vay:	01/12/2009
Thời hạn vay	Tối đa 6 tháng
Hạn mức tín dụng	150.000.000.000
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động sản xuất cá basa, cá tra xuất khẩu
Lãi suất vay trong hạn:	Theo từng giấy nhận nợ
Lãi suất quá hạn:	150% lãi suất vay trong hạn
Tài sản thế chấp	Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0172.AG/HBTC/PGB, và 0173.AG/HBTC/PGB tổng giá trị tài sản là 312.000.000.000
Số dư nợ	58.400.000.000

5.13 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	31/12/2009 VND		01/01/2009 VND
Phải trả người bán	77.954.049.569	(i)	73.630.297.439
Người mua trả tiền trước	1.900.261.683	(ii)	1.915.661.863
Cộng	79.854.311.252		75.545.959.302

(i) Chi tiết khoản phải trả người bán

	31/12/2009 VND		01/01/2009 VND
Phải trả vật tư bao bì	18.921.754.635		17.676.730.406
Phải trả cá nguyên liệu	43.711.402.526		43.948.707.943
Thức ăn thủy sản	8.418.169.111		6.140.730.591
Khác	6.902.723.297		5.864.128.499
Cộng	77.954.049.569		73.630.297.439

(ii) Chi tiết khoản người mua trả tiền trước

	31/12/2009 VND		01/01/2009 VND
Ứng trước tiền hàng	1.900.261.683		1.915.661.863
Cộng	1.900.261.683		1.915.661.863

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009 VND		01/01/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.528.552.859		1.973.661.617
Thuế xuất nhập khẩu	-		52.916.876
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.208.409.162		
Thuế thu nhập cá nhân	349.090.081		84.434.943
Cộng	6.086.052.102		2.111.013.436

5.15 Phải trả người lao động

	31/12/2009 VND		01/01/2009 VND
Phải trả công nhân viên	2.986.676.000		5.141.572.827
Phải trả người lao động khác	3.664.893.387		3.579.643.321
Cộng	6.651.569.387		8.721.216.148

5.15 Phải trả người lao động

	31/12/2009 VND		01/01/2009 VND
Trích trước lãi vay Ngân hàng	-		224.164.628
Chi phí thuê kho	-		262.487.889
Chi phí vận chuyển	2.407.147.951		10.773.867.950
Chi phí kiểm nghiệm hàng XK	200.000.000		471.284.238
Chi phí khuyến mãi cuối năm	876.162.260		1.271.476.342
Chi phí sửa chữa	-		1.271.476.342
Chi phí khác	-		40.700.000
Cộng	3.483.310.211		13.043.981.047

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND		01/01/2009 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	4.815.529.133		-
Kinh phí công đoàn	1.187.232.779		1.127.752.617
Bảo hiểm xã hội	-		402.137.461
Bảo hiểm y tế	-		38.248.415
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	500.000.000		-
Phải trả, phải nộp khác	1.101.002.581	(i)	7.305.685.665
Cộng	7.603.764.493		8.873.824.158

(i) Chi tiết các khoản phải trả khác

	VND
Bảo hiểm thất nghiệp	534.322.656
Bảo hiểm xã hội phải trả nhân viên	29.514.102
Bảo hiểm Y tế phải trả nhân viên	74.597.592
Tiền bốc vác cá	92.143.640
Thuế thu nhập cá nhân	107.203.138
Khác	263.221.453
Cộng	1.101.002.581

5.18 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009 VND		01/01/2009 VND
Phải trả dài hạn nội bộ	-		-
Phải trả dài hạn khác	-		-
Vay và nợ dài hạn	7.435.824.703	(i)	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-		-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	797.319.909		729.888.570
Dự phòng phải trả dài hạn	-		-
Cộng	8.233.144.612		729.888.570

(i) Chi tiết các khoản vay trung và dài hạn

	Nguyên tệ	VND
Vay Ngân hàng	267.199,99	7.435.824.703
Ngân hàng Ngoại Thương - Chi Nhánh An Giang		2.641.989.682
Ngân hàng ANZ - Chi Nhánh TP.HCM (USD)	267.199,99	4.793.835.021
Cộng	267.199,99	7.435.824.703

5.19 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư 01/01/2008	128.592.880.000	385.506.013.400	-	76.753.168.709	6.114.226.737	22.136.658.554	1.508.727.551	620.611.674.951
Tăng (Giảm) vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	16.913.431.531	-	16.913.431.531
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	997.151.844	1.894.320.791	(6.680.114.217)	-	(3.788.641.582)
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(99.416.785)	-	(99.416.785)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(15.431.145.600)	-	(15.431.145.600)
Số dư 31/12/2008	128.592.880.000	385.506.013.400		77.750.320.553	8.008.547.528	16.839.413.483	1.508.727.551	618.205.902.515
Số dư 01/01/2009	128.592.880.000	385.506.013.400	-	77.750.320.553	8.008.547.528	16.839.413.483	1.508.727.551	618.205.902.515
Tăng (Giảm) vốn năm nay	-	-	5.635.539.542	-	-	-	-	5.635.539.542
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	14.444.535.700	-	14.444.535.700
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	1.432.624.534	840.700.737	(3.954.726.746)	-	(1.681.401.475)
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(181.648.779)	-	(225.088.465)
Chi khác	-	-	-	-	-	(43.439.686)	-	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(12.859.288.000)	-	(12.859.288.000)
Số dư 31/12/2009	128.592.880.000	385.506.013.400	5.635.539.542	79.182.945.087	8.849.248.265	14.244.845.972	1.508.727.551	623.520.199.817

Theo giấy phép đăng kí kinh doanh thay đổi lần thứ 17, ngày 12 tháng 01 năm 2010 vốn điều lệ của Công Ty là 128.592.880.000 đồng.

Trong đó tiền Việt Nam: 128.592.880.000

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Số cổ phần và giá trị vốn cổ phần đã góp: 7.887.578 cổ phần có giá trị 78.875.780.000 đồng

Số cổ phần được quyền chào bán: 4.971.710 cổ phần có giá trị 49.717.100.000 đồng

Cơ cấu vốn cổ đông của Công ty đến ngày 31/12/2009

		Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước		8,19%
Cổ đông cá nhân bên ngoài		91,81%
Chi trả Cổ tức		VND
Cổ tức chi trả trong năm như sau		
Cổ tức năm trước		12.859.288.000
Tạm ứng cổ tức năm nay		
- Trả Cổ tức bằng tiền		-
- Trả Cổ tức bằng cổ phiếu		-
Cộng		12.859.288.000
Cổ phiếu		
	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng kí phát hành		-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		-
- Cổ phiếu phổ thông	12.859.288	12.859.288
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.859.288	12.859.288
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

5.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.808.834.557	1.008.840.885	-	1.061.720.895	2.755.954.547
Quỹ phúc lợi	478.400.474	672.560.590	-	466.127.444	684.833.620
Cộng	3.287.235.031	1.681.401.475	-	1.527.848.339	3.440.788.167

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

6.1 Doanh thu bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	139.067.343.817	341.398.273.879
Doanh thu bán thành phẩm	1.203.052.173.154	1.644.401.244.613
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.070.168.130	1.963.765.332
Tổng doanh thu bán hàng	1.346.189.685.101	1.987.763.283.824
Các khoản giảm trừ doanh thu	11.891.961.809	21.314.383.873
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	1.127.096.309	15.351.565.961
- Thành phẩm	1.127.096.309	-
- Hàng hoá	-	-
Hàng bán bị trả lại	10.764.865.500	5.962.817.912
- Thành phẩm	9.812.624.250	-
- Hàng hoá	952.241.250	-
Doanh thu thuần	1.334.297.723.292	1.966.448.899.951

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	134.842.215.616	316.318.930.276
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	1.090.762.837.570	1.352.393.637.427
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.691.093.134	540.552.016
Cộng	1.228.296.146.320	1.669.253.119.719

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền ĐT thức ăn nuôi cá, ứng trước cho người bán	14.198.712.609	9.802.915.846
Lãi bán hàng trả chậm	10.768.470.158	8.323.460.199
Lãi chênh lệch tỷ giá	61.684.013.808	19.339.806.672
ĐT bán chứng khoán, lãi trái phiếu	-	48.467.033
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.732.575.000	3.519.500.000
Cho thuê kho	-	289.522.729
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	642.690.000
Các khoản khác	-	-
Cộng	105.383.771.575	41.966.362.479

6.4 Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	39.152.469.220	38.178.534.382
Chênh lệch tỷ giá	526.877.902	1.888.795.370
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(20.740.857.400)	23.619.365.870
Lỗ bán chứng khoán	338.422.468	-
Chi phí tài chính khác	-	43.728.546
Cộng	19.276.912.190	63.730.424.168

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.032.272.172	7.658.383.372
Chi phí vật liệu bao bì	2.537.946.539	3.100.415.494
Chi phí công cụ, đồ dùng bán hàng	1.125.117.781	1.433.709.325
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.238.316.598	1.834.334.298
Chi phí vận chuyển	61.249.900.350	184.947.460.219
Chi phí kiểm nghiệm	4.108.332.308	6.952.464.622
Chi phí khuyến mãi hoa hồng	6.935.003.207	2.761.217.909
Chi phí thuê kho bãi	39.600.779.947	17.359.847.371
Chi phí bằng tiền khác	9.237.358.671	11.868.333.384
Cộng	136.065.027.573	237.916.165.994

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.740.497.996	7.706.085.761
Chi phí vật liệu bao bì	1.314.381.609	645.596.823
Chi phí công cụ, đồ dùng bán hàng	294.916.989	603.740.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.612.041.252	2.505.288.992
Thuế, phí, lệ phí	291.502.050	113.344.092
Chi phí dự phòng	12.985.889.215	(28.548.766)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.786.336.513	2.783.809.274
Chi phí bằng tiền khác	6.500.432.862	5.469.340.574
Cộng	35.525.998.486	19.798.656.766

6.7 Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán thanh lý tài sản cố định	661.318.176	526.542.684
Thu tiền bán phế liệu thu hồi	-	387.607.547
Nhận hàng khuyến mãi	1.782.861.005	3.374.932.662
Các khoản khác	1.072.503.417	1.552.041.467
Cộng	3.516.682.598	5.841.124.360

6.8 Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	2.878.735.488	1.129.701.867
Khấu hao TSCĐ tạm thời không sử dụng hoặc chờ thanh lý	2.939.762.955	2.587.467.022
Các khoản khác	200.405.187	1.560.379.382
Cộng	6.018.903.630	5.277.548.271

6.9 Chi phí thuế thu nhập hiện hành	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	18.015.189.266	18.280.471.872
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.732.575.000)	(11.445.270.165)
Tổng thu nhập chịu thuế	14.282.614.266	6.835.201.707
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.570.653.566	1.367.040.341

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Hùng Vương đăng ký chào mua thêm 3,75 triệu cổ phiếu Công Ty Agifish (29,16% tổng lượng cổ phiếu đang lưu hành) với giá chào mua là 36.000 đồng/cp. Thời gian thực hiện từ 13/2/2010 đến 20/3/2010. Công Ty Cổ Phần chứng khoán Sài Gòn là tổ chức được chỉ định làm đại lý chào mua. Nếu thực hiện chào mua thành công, Công Ty Cổ Phần Hùng Vương sẽ nắm giữ 6.568.466 cổ phiếu, tương đương 51.08% vốn của Công Ty Agifish.

Theo Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị ngày 28 tháng 12 năm 2009 Hội Đồng Quản Trị Công Ty Agifish quyết định bán lại số cổ phần mà Công Ty Agifish đang nắm giữ tại Công Ty Cổ Phần Delta AGF để tập trung cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công Ty.

Đến thời điểm 31/12/2009 Công ty Cổ Phần Delta AGF không còn là công ty con của Công Ty Agifish.

7.2 Giao dịch của các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
- Giá trị đầu tư vào thức ăn nuôi cá	-	34.076.523.000
- Thu hồi vốn đầu tư	-	252.252.974.178
- Giá trị mua lại nguyên liệu cá	-	50.271.130.540
Ban điều hành		
- Giá trị đầu tư thức ăn nuôi cá	50.849.610.200	68.455.013.750
- Thu hồi vốn đầu tư	49.198.408.031	74.914.177.055
- Giá trị mua lại nguyên liệu cá	66.173.995.725	146.625.485.050
- Công ty nhận vay vốn lãi suất từ 1 - 1,2%/ tháng	5.285.000.000	-
- Công ty nhận vay vốn lãi suất từ 0,9% - 1%/ tháng	9.145.764.441	-
Cá nhân có liên quan		
- Giá trị đầu tư vào thức ăn nuôi cá	18.355.962.000	43.563.492.625
- Thu hồi vốn đầu tư	16.927.217.667	41.383.441.158
- Giá trị mua lại nguyên liệu cá	60.622.565.266	67.300.380.116
- Công ty nhận vay vốn lãi suất từ 1 - 1,2%/ tháng	7.430.616.175	-
- Công ty nhận vay vốn lãi suất từ 0,9% - 1%/ tháng	54.476.154.335	-

Tại ngày kết thúc năm, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Nợ phải thu	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị	-	9.715.249.062
Ban điều hành	13.987.536.586	2.969.768.555
Các cá nhân có liên quan	7.654.977.931	5.865.775.667
Cộng nợ phải thu	21.642.514.517	18.550.793.284
Nợ phải trả		
Hội đồng quản trị	-	-
Ban điều hành	831.176.944	3.168.126.655
Các cá nhân có liên quan	1.101.737.365	14.098.113.092
Cộng nợ phải trả	1.932.914.309	17.266.239.747

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty có giao dịch với Công Ty CP đầu tư và xây dựng Delta (Công ty liên kết). Các nghiệp vụ phát sinh như sau

	Năm nay	Năm trước
Mua sản phẩm, dịch vụ, thuê thầu xây dựng	52.268.134.716	86.054.248.763
Bán sản phẩm cho Delta	95.189.753.242	135.555.653.803

Tại ngày kết thúc quý, Công ty liên kết nợ Công Ty Agifish như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	142.585.970.358	91.883.136.233
Trả trước người bán	5.144.129.750	41.809.507.209
Phải thu khác	-	1.020.000.000
Cộng nợ phải thu	147.730.100.108	134.712.643.442

7.3 Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc quý, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
Trên 5 năm: (Hợp đồng thuê cư xá Sao Mai- ngày hết hạn 30/11/2016. Tổng trị giá VNĐ:9.504.000.000)	5.955.840.000	5.955.840.000
Cộng	5.955.840.000	5.955.840.000

7.4 Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2009 VND	Năm 2009 VND
Lương thưởng	2.685.337.339	2.173.134.016
Thù lao HĐQT & Ban kiểm soát	181.648.779	99.416.785
Cộng	2.866.986.118	2.272.550.801

7.5 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của công ty

Chỉ tiêu		Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	45,13	47,26
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	54,87	52,74
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	48,19	46,62
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	51,81	53,38
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,08	2,15
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,15	1,13
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,03	0,03
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	1,24	0,91
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	0,99	0,84
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,49	1,57
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,19	1,45
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	2,29	2,72

An Giang, ngày 01 tháng 03 năm 2010

LẬP BIỂU



NGUYỄN VĂN TRIỀU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ THÀNH THÔNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (dưới đây gọi tắt là "Công Ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang (AGIFISH Co.) được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang theo Quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

Ngày 01/09/2001, Công ty Agifish chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000009. Trong quá trình hoạt động những thay đổi về vốn đầu tư, vốn pháp định cũng như chủng loại, sản lượng sản xuất sản phẩm đã được lần lượt chuẩn y tại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600583588, ngày 12 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh An Giang cấp.

2. Hội Đồng Quản Trị

Các thành viên của Hội Đồng Quản Trị Công Ty đã điều hành hoạt động của Công Ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ tên	Chức danh
Ông: Ngô Phước Hậu	Chủ Tịch HĐQT
Ông: Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch
Ông: Võ Minh Phương	Thành viên
Ông: Phù Thanh Danh	Thành viên
Ông: Bùi Văn Nghĩa	Thành viên

3. Ban Giám Đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám Đốc đã điều hành hoạt động của Công Ty suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị trí sau:

Họ tên	Chức danh
Ông: Ngô Phước Hậu	Tổng Giám Đốc (Từ nhiệm từ 01/01/2010)
Ông: Nguyễn Văn Ký	Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm từ 01/01/2010)
Ông: Nguyễn Đình Huấn	Phó Tổng Giám Đốc
Ông: Phù Thanh Danh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông: Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám Đốc
Bà: Huỳnh Thị Thanh Giang	Phó Tổng Giám Đốc

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Agifish đã xem xét và chấp thuận cho Ông Nguyễn Đình Huấn nghỉ việc theo nguyện vọng kể từ ngày 01/03/2010.

4. Ban Kiểm Soát

Các thành viên của ban kiểm soát bao gồm các vị như sau:

Họ tên	Chức danh
Ông: Dương Nguyễn Bạch Dương	Trưởng Ban Kiểm Soát (Miễn nhiệm từ 02/02/2010)
Ông: Tăng Phước Quang	Trưởng Ban Kiểm Soát (Bổ nhiệm từ 02/02/2010)
Ông: Huỳnh Việt Nhân	Thành viên
Ông: Tăng Phước Quang	Thành viên

5. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Công ty có 04 xí nghiệp trực thuộc

- Xí nghiệp đông lạnh số 7 đặt tại số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Xí nghiệp đông lạnh số 8, đặt tại thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Xí nghiệp đông lạnh số 9, đặt tại số 2222 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Xí nghiệp chế biến thực phẩm đặt tại số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Chi nhánh tại TP.HCM đặt tại 38-40 đường Nguyễn Thái Bình, Quận I, Thành Phố HCM.

6. Lĩnh vực hoạt động:

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 các ngành nghề kinh doanh của Công Ty bao gồm: Sản xuất, chế biến xuất khẩu, tạm nhập tái xuất các mặt hàng thủy hải sản và kinh doanh các loại hàng hóa nông sản thực phẩm chế biến... Ngoài ra, Công Ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng kí.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và tình hình tài chính vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trên báo cáo tài chính đính kèm.

8. Kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán (AFC) nay được đổi tên thành Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho Công Ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám Đốc Công Ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công Ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám Đốc Công Ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách thích hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc và sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám Đốc Công Ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám Đốc Công Ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công Ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công Ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

10. Sự kiện sau niên độ

Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Hùng Vương đăng ký chào mua thêm 3,75 triệu cổ phiếu Công Ty Agifish (29,16% tổng lượng cổ phiếu đang lưu hành) với giá chào mua là 36.000 đồng/cp. Thời gian thực hiện từ 13/2/2010 đến 20/3/2010. Công Ty Cổ Phần chứng khoán Sài Gòn là tổ chức được chỉ định làm đại lý chào mua. Nếu thực hiện chào mua thành công, Công Ty Cổ Phần Hùng Vương sẽ nắm giữ 6.568.466 cổ phiếu, tương đương 51.08% vốn của Công Ty Agifish.

Theo Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị ngày 28 tháng 12 năm 2009 Hội Đồng Quản Trị Công Ty Agifish quyết định bán lại số cổ phần mà Công Ty Agifish đang nắm giữ tại Công Ty Cổ Phần Delta AGF để tập trung cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công Ty.

Đến thời điểm 31/12/2009 Công ty Cổ Phần Delta AGF không còn là công ty con của Công Ty Agifish.

11. Phê duyệt Báo Cáo Tài Chính

Chúng tôi phê duyệt Báo Cáo Tài Chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công Ty trong kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Ang Giang, ngày 01 tháng năm 2010
THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGÔ PHƯỚC HẬU

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi : Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) bao gồm: bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban giám đốc Công ty, cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên phương diện trọng yếu thì các báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang, đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc vấn đề sau:

Như nêu tại mục 5.3 của thuyết minh báo cáo tài chính , Khách hàng JSC ATLANT-PACIFIC nợ Công Ty với số tiền 3.198.614 USD tương đương 57.386.333.774 VND từ năm 2008 đến năm 2009, Công Ty đã lập dự phòng với số tiền 9.876.520.500 VND tương đương 550.500 USD. Theo công văn ngày 23 tháng 12 năm 2009, khách hàng JSC ATLANT-PACIFIC cam kết sẽ trả nợ số tiền 2.648.114 USD trong năm 2010, cho đến thời điểm lập Báo Cáo này khách hàng này đã thanh toán 400.000 USD.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0600/KTV

www.agifish.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG
ANGIANG FISHERIES IMPORT - EXPORT JOINT STOCK COMPANY

1234 Tran Hung Dao., Long Xuyen City, An Giang Province, Vietnam

Tel: +84 76 3852 368 Fax: +84 76 3852 202

Email: agifish.co@agifish.com.vn

Website: www.agifish.com.vn